

Bản án số: 37/2021/HS-ST
Ngày 09 - 6 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Nhân;
2. Bà Bùi Thị Hằng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Quang Lương Hùng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Th - sinh ngày 20 tháng 4 năm 1984 tại huyện Hoằng H, tỉnh Thanh H. Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: số nhà 45A, ngõ 30, đường Phùng Kh, phường Trung V, quận Nam Từ L, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1956 và bà Hắc Thị H, sinh năm 1961; Vợ: Nguyễn Thuý N, sinh năm 1986 (đã ly hôn) và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/01/2021 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Anh Trương Đình L, sinh năm 1993. Vắng mặt có lý do.

Địa chỉ: Thôn Thanh N, xã Bồng Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

2. Anh Phan Văn T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: X4, xã Diễn L, huyện Diễn Ch, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Hồ H, sinh năm 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Thanh N, xã Bồng Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

2. Chị Ngô Thị Ng, sinh năm 1976.

Địa chỉ: X4, xã Diễn L, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Chị Hồ Thị H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số nhà 48, đường Tố H, phường Trung V, quận Nam Từ L, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mặc dù không có khả năng đưa người từ Việt Nam đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nhưng do nợ nần nhiều người nên Nguyễn Văn Th nảy sinh ý định lừa đảo tài sản của người khác để trang trải và tiêu xài cá nhân. Từ tháng 02 năm 2020 đến ngày 29 tháng 11 năm 2020 Th đã hai lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác cụ thể như sau:

Lần thứ nhất:

Trong thời gian lao động tại Đài Loan anh Trương Đình L (sinh năm 1993, trú tại thôn Thanh n, xã Bồng Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An) quen biết và được chị Nguyễn Thị T(sinh năm 1991, hiện đang lao động tại Đài Loan) giới thiệu và cho số điện thoại của Th (là anh trai của chị T). Về nước, anh L đã chủ động liên lạc với Th và nhờ Th làm hồ sơ, thủ tục để đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Th nhận lời lo thủ tục để anh L được đi lao động tại Đài Loan. Sau đó, để tạo lòng tin cho anh L, Th không yêu cầu anh L chuyển tiền một lần mà chia nhỏ ra thành nhiều lần; khi thì yêu cầu anh L chuyển tiền đặt cọc, khi thì yêu cầu anh L chuyển tiền để chuyển nộp vào công ty để làm hồ sơ, làm giấy khám sức khỏe... Đồng thời Th liên hệ với chị Hồ Thị H, sinh năm 1994, trú tại số 48, đường Tố H, phường Trung V, quận Nam Từ L, thành phố Hà Nội là nhân viên tại chi nhánh Công ty cổ phần nguồn nhân lực và phát triển kinh tế hợp tác tại Hà Nội để anh L ký hợp đồng. Ngoài ra Th còn yêu cầu anh L đi khám sức khỏe, làm Vi sa để cho anh L tin rằng Th đang làm hồ sơ, thủ tục để anh L đi xuất khẩu lao động như đã thỏa thuận. Do tin tưởng việc Th đang làm hồ sơ để mình đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên từ ngày 04/02/2020 đến ngày 18/06/2020, anh L đã sáu lần chuyển tiền vào tài khoản của Th ở Ngân hàng Techcombank và ngân hàng Vpbank với tổng số tiền là 127. 375.000 đồng. (trong đó anh L trực tiếp chuyển ba lần với số tiền 46.000.000 đồng và nhờ anh Nguyễn Hồ H, sinh năm 1988 trú cùng thôn với anh L chuyển ba lần với số tiền 81.375.000 đồng). Sau khi nhận được tiền anh L chuyển, Th đã rút ra và tiêu xài hết. Đến ngày 24/06/2020, thấy việc đi xuất khẩu lao động của mình tại Đài Loan không thực hiện được, anh L đã

nhiều lần yêu cầu Th trả lại số tiền mà anh đã chuyển cho Th nhưng đến nay Th vẫn chưa trả cho anh L.

Lần thứ hai:

Vào khoảng đầu tháng 07 năm 2020, Th điện thoại cho anh Phan Văn T, sinh năm 1974, trú tại xóm 4, xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An và giới thiệu mình là nhân viên trong công ty đưa người đi xuất khẩu lao động nước ngoài. Th nói với anh T hiện có một đơn hàng đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc giá rẻ và đi nhanh, anh T đồng ý theo đơn hàng Th giới thiệu. Đến ngày 17/07/2020, anh T đến nhà của Th ở số 45A, ngõ 30, đường Phùng Khoang, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đặt cọc cho Th 30 triệu đồng. Tại đây Th đã viết một giấy nhận cọc và cam kết đưa anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc vào ngày 27/07/2020 nếu không được sẽ trả lại tiền cho anh T. Ngoài ra, để anh T tin tưởng Th còn giữ của anh T một chứng minh nhân dân và một hộ chiếu. Sau đó, mặc dù không làm hồ sơ thủ tục gì cho anh T để đi xuất khẩu lao động nhưng Th vẫn nhiều lần yêu cầu anh T chuyển tiền cho Th để Th nộp vào công ty. Do tin tưởng Th đang làm hồ sơ cho mình để đi lao động tại Hàn Quốc nên từ ngày 20/07/2020 đến ngày 29/11/2020 thông qua tài khoản của chị Ngô Thị Ng (vợ của anh T) tại Ngân hàng Viettin bank anh T đã 14 lần chuyển tiền vào tài khoản của Th ở Ngân hàng Vpbank với tổng số tiền là 151.100.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền anh T chuyển, Th đã rút ra tiêu xài hết. Đến ngày 30/11/2020, thấy việc đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc của mình không thực hiện được anh T đã yêu cầu Th trả lại toàn bộ số tiền 181.100.000 đồng mà anh đã chuyển cho Th nhưng đến nay Th vẫn chưa trả cho anh T.

Vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An đã thu giữ của Th 01 chiếc Điện thoại di động hiệu APPLE IPHONE 6 màu bạc (máy đã qua sử dụng); 01 Thẻ ngân hàng Techcom bank mang tên Nguyen Van Th; 01 Thẻ ngân hàng Vpbank mang tên Nguyen Van Th. Toàn bộ số vật chứng hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Về dân sự: Anh Trương Đình L yêu cầu Nguyễn Văn Th trả lại số tiền 127.375.000 (một trăm hai mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng; anh Phan Văn T yêu cầu Nguyễn Văn Th trả lại số tiền 181.100.000 (một trăm tám mươi một triệu một trăm nghìn) đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt của họ.

Cáo trạng số: 28/CT-VKS-CC ngày 12/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố. Bản thân bị cáo ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử đề nghị: giữ nguyên việc truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự; Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 08 năm đến 09 năm tù; miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo; buộc bị cáo phải trả lại cho Người bị hại anh Trườn Đình L số tiền 127.375.000 đồng, bồi thường 10.000.000 đồng tiền chi phí làm hồ sơ, chi phí đi lại, trả lại cho anh Phan Văn T số tiền 181.100.000 đồng; tịch thu tiêu huỷ số vật chứng của vụ án, tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại APPLE IPHONE 6 màu bạc của bị cáo; bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

- Trong quá trình điều tra: Cơ quan điều tra, Điều tra viên được phân công điều tra đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về việc kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ, lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; lập hồ sơ vụ án; hỏi cung bị can; xử lý vật chứng; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện nghiêm túc hoạt động kiểm sát điều tra; giao nhận các văn bản tố tụng đúng thời hạn theo quy định của pháp luật; tham gia phiên tòa đúng thời gian, địa điểm; công bố bản cáo trạng; tham gia xét hỏi, luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đồng thời thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án cũng như người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử.

- Người bị hại anh Trương Đình L và người làm chứng chị Ngô Thị Ng, chị Hồ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Xét thấy họ đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt của họ không ảnh

hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bị cáo, người bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Do các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên và Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên hợp pháp và được sử dụng làm chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn Th đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội. Phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 02 năm 2020 đến ngày 29 tháng 11 năm 2020, Nguyễn Văn Th đã có hành vi gian dối đưa ra thông tin giả là mình có thể làm hồ sơ, thủ tục đưa người đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và Hàn Quốc để lừa đảo chiếm đoạt của các anh Trương Đình L và Phan Văn T với tổng số tiền là 308.475.000 (ba trăm linh tám triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết tội Nguyễn Văn Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án: Vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo ý thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi bất chính, lười lao động nên bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm và chỉ trong một thời gian ngắn bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó chứng tỏ bị cáo là người liều lĩnh, coi thường pháp luật nên cần phải xử phạt nghiêm minh để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ông nội bị cáo được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba và huy chương kháng chiến hạng nhất. Đó là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên xét thấy cần giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền nhưng xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, tài sản không có nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra người bị hại anh Trương Đình L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 127.375.000 đồng; tại phiên tòa anh L có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị bị cáo phải bồi thường thêm 20.000.000 đồng gồm chi phí bồi thường hợp đồng, khám sức khỏe, làm Visa, tiền xe đi lại từ Nghệ An ra Hà Nội để phỏng vấn và các khoản chi phí đi lại tại Hà Nội. Xét thấy số tiền 127.375.000 đồng là yêu cầu chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo phải bồi thường. Đối với số tiền 20.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo chỉ chấp nhận bồi thường số tiền 10.000.000 đồng nên cần chấp nhận.

Người bị hại anh Phan Văn T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 181.100.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo phải bồi thường.

[5] Về vật chứng: 01 chiếc Điện thoại di động hiệu APPLE IPHONE 6 màu bạc, bị cáo khai dùng chiếc điện thoại này để liên lạc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh L và anh T. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước; 01 Thẻ ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Văn Th; 01 Thẻ ngân hàng Vpbank mang tên Nguyễn Văn Th là vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/01/2021.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải trả lại cho anh Trương Đình L số tiền 127.375.000 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) và bồi thường cho anh L số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải trả lại cho anh Phan Văn T số tiền 181.100.000 đồng (một trăm tám mươi một triệu một trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01(một) chiếc điện thoại di động APPLE IPHONE 6 màu bạc. Máy đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 thẻ Ngân hàng có số 42214986676199812 của Ngân hàng Techcombank mang tên Nguyen Van Th; 01 thẻ Ngân hàng có số 9704320812065037 của Ngân hàng Vpbank mang tên Nguyen Van Th

Đặc điểm vật chứng nêu trên theo biên bản giao nhận vật chứng số 32 ngày 12/4/2021 giữa Công an huyện Con Cuông và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Con Cuông.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 3 Điều 21; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 15.923.750 đồng (mười lăm triệu chín trăm hai mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Con Cuông;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- CQĐT Công an huyện Con Cuông;
- CQTHAHS huyện Con Cuông;
- CCTHADS huyện Con Cuông;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Lợi

